

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 24 - 6 - 2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Đoàn Thị T, sinh năm 1931; cư trú tại: Xóm 13 xã GL, huyện GT, tỉnh ND; “vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị L1; sinh năm 1953; cư trú tại: Số nhà 04N25, ĐĐ 44, khu TT, phường PL, CL, HD là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2019); “có mặt”.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị M1; sinh năm 1961; cư trú tại: Xóm 11 xã GL, huyện GT, tỉnh ND; “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L1; sinh năm 1953; cư trú tại: Số nhà 04N25, Đông Đồi 44, khu Thạch Thủy, phường Phả Lại, Chí L1, Hải Dương; “có mặt”.

2. Bà Phạm Thị L2; sinh năm 1956; cư trú tại: Xóm 10 xã GL, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

3. Bà Phạm Thị M2; sinh năm 1959; cư trú tại: Xóm 14 xã GL, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

4. Bà Phạm Thị M3; sinh năm 1967; cư trú tại: Xóm 18 xã GL, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

5. Bà Phạm Thị L3; sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 685, đường MPTV, tổ 21, khu phố 5, phường PM, thành phố TDM, tỉnh BD; “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị L3: Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1953; cư trú tại: Số nhà 04N25, ĐĐ 44, khu TT, phường PL, CL, HD là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L3 (Văn bản ủy quyền ngày 30-12-2019); “có mặt”.

6. Ông Phạm Quang S; sinh năm 1964; cư trú tại: Xóm 13 xã GL, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12 - 09 - 2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa liên quan là bà Phạm Thị L1 trình bày: Bà được cụ Đoàn Thị T và bà Phạm Thị L3 ủy quyền tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề của vụ án. Bố mẹ bà là cụ Phạm Quang T1 và Đoàn Thị T có 06 người con là Phạm Thị L1, Phạm Thị L2, Phạm Thị M2, Phạm Thị M1, Phạm Thị M3 và Phạm Thị L3. Các con đều đã có gia đình riêng. Cụ Tài và cụ T có 01 thửa đất 1675 m² tại xóm 13 xã Giao Long đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Đến năm 2007, hai cụ đã chuyển nhượng 397, 6 m² cho ông Đoàn Trung D, còn 1277, 4 m². Năm 2012, đã hiến 104 m² cho dòng họ Phạm để xây dựng từ đường, vì vậy diện tích đất hiện còn 1.173,4 m² và đang do cụ T quản lý sử dụng. Trên phần diện tích đất này có 02 gian nhà ngói đã cũ, bể nước, nhà tắm, tường bao.. do hai cụ xây dựng đều đã xuống cấp có công trình không còn giá trị sử dụng. Năm 2013, cụ Phạm Quang T1 chết nhưng không để lại di chúc. Năm 2016, do nhà cũ đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn và vì các con không sống cùng mẹ nên cụ Đoàn Thị T đã họp các con và thống nhất xây 01 nhà mái bằng nhỏ để ở. Do cụ T không có tiền, nên bà M3 và bà M2 đã đi vay mượn để làm nhà cho mẹ. Sau khi nhà hoàn thành, cụ T muốn bán đi một phần đất để trang trải nợ nần và lấy tiền dưỡng già

nhưng bà M1 không đồng ý. Nay cụ T khởi kiện, đề nghị Tòa án chia thừa kế (đối với phần đất có nhà ở, không yêu cầu chia đất nông nghiệp) bà L1 cũng như các chị em là bà L2, bà M2, bà L3, bà M3 đều nhất trí để lại kỷ phần của mình cho cụ T. Về tiền làm nhà năm 2016, mẹ con tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phạm Thị L1, Phạm L2, Phạm Thị M2, Phạm Thị M3 trình bày: Các bà là con gái của cụ Đoàn Thị T và cụ Phạm Quang T1 đều đồng ý với phần trình bày của bà L1 về nguồn gốc đất, năm chết của bố mẹ và số chị em trong gia đình. Nay cụ T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đều nhất trí với ý kiến của của cụ T và bà L1 là người đại diện cho cụ T đã trình bày. Các bà đều tự nguyện thống nhất để kỷ phần của mình được hưởng cho bà L2, không yêu cầu thanh toán. Về số tiền làm nhà cho cụ T, bà M2 và bà L2 không yêu cầu xem xét.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quang S trình bày: Ông là đại diện của dòng họ Phạm, năm 2012 cụ Phạm Quang T1 và cụ Đoàn Thị T đã hiến 104 m² đất cho dòng họ Phạm và dòng họ đã xây dựng từ đường năm 2015 tới năm 2017 mới hoàn thành. Nay cụ T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, đề nghị Tòa án xét 104 m² là đất của dòng họ, không phải là di sản do cụ Tài để lại.

Tại biên bản làm việc ngày 20 - 01- 2020, ông Trần Văn H là chồng bà Phạm Thị M1 trình bày: Vợ chồng ông có biết việc cụ Đoàn Thị T khởi kiện chia thừa kế nhưng vợ chồng ông không liên quan, quyền quyết định là của cụ T. Bà M1 thỉnh thoảng có đi bế cháu; đề nghị Tòa án không chuyển các văn bản tố tụng cho bà M1 và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 27/02/2020 Ủy ban nhân dân xã Giao Long cung cấp: Về nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là của cụ Phạm Quang T1 (đã chết năm 2013, không để lại di chúc) và cụ Đoàn Thị M3. Hai cụ có 6 người con là Phạm Thị L1, Phạm Thị L2, Phạm Thị M2, Phạm Thị M1, Phạm Thị M3 và Phạm Thị L3, hiện di sản do cụ T đang quản lý và làm nghĩa vụ tài chính, không nợ nần đối với cá nhân và tập thể. Từ trước tới nay, thửa đất được sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề, mốc giới, hiện trạng đất không thay đổi, do diện tích sử dụng lớn nên trong đo đạc được phép có sai số. Nay cụ T yêu cầu chia thừa kế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 27 - 02 - 2020 cụ thể như sau: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 21 ,tại xóm 13 xã Giao Long, phần đất còn

lại chưa sang tên cho ai, hiện đang tranh chấp là có vị trí như sau: Phía Nam giáp đường dong xóm 13: rộng 23,5m; phía Bắc giáp thổ ông Lịch: rộng 23,3m; phía Đông giáp thổ các hộ: Nguyễn, Na, Lê, Mền, dài 56,2m; phía Tây giáp thổ ông Dũng: dài 56,5m; có tổng diện tích là có tổng diện tích là 1315 m² trên diện tích này có các công trình xây dựng sau: Từ đường dòng họ Phạm: 400.000.000đồng, 01 nhà mái bằng, công trình phụ, ống bi chứa nước: 260.000.000đ; 01 sân lát gạch đỏ: 3.500.000 đồng; 01 tường bao giáp đường dong xóm: 5.854.000 đồng; 01 ngõ đi: 5.200.000đ; 01 nhà ngói nhỏ: 2.520.000đ; 01 nhà ngói 5 gian: 12.849.000đ; 01 nhà tắm: 2.945.000đ; 01 bể nước: 800.000đ; còn lại là: 01 sân gạch, 01 tường rào, 01 bể nước nhỏ đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Đất có giá trị chuyển nhượng ở địa phương tại thời điểm định giá là: Trị giá đất là: 2.000.000đồng/m² x 1277,4 m² = 2.554.800.000 đồng. Đối với các công trình xây dựng trên đất: có tổng giá trị là : 693.668.000 đồng. Tổng là 3.248.468.000 đồng. Các đương sự đều nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa, bà L1 là người đại diện cụ T thay đổi sửa đổi một phần nội dung đơn khởi kiện, cụ T từ chối không nhận ký phần thừa kế của 5 người con là bà L1, bà L2, bà M2, bà M3 và bà L3; cụ T chỉ nhận 1 ký phần thừa kế cùng ½ khối tài sản chung giữa cụ Đoàn Thị T với cụ Phạm Quang T1. Bà L2 có nguyện vọng sở hữu, sử dụng đất và công trình gắn liền với đất tương ứng với 6 ký phần đồng thời có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị M1 1/7 giá trị di sản và nhận trách nhiệm tháo dỡ ngôi nhà ngói 5 gian và thanh toán giá trị nguyên vật liệu cho các đồng thừa kế khác. Diện tích có thể có chênh lệch nhưng nhỏ nên không ảnh hưởng tới quyền lợi cả đương sự. Các đồng thừa kế khác là bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị M2, bà Phạm Thị M3, bà Phạm Thị L3 có nguyện vọng để lại ký phần cho bà L2 và không yêu cầu thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: : Căn cứ các Điều 357, 612, 613, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định người hưởng thừa kế của cụ Phạm Quang T1 gồm: Cụ Đoàn Thị T, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị L2, bà Phạm Thị M2, bà Phạm Thị M1, bà Phạm Thị M3, bà Phạm Thị L3.

Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Quang T1 là ½ diện tích thửa đất số

134 tờ bản đồ số 21 lập năm 1998 thuộc xóm 13, xã Giao Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định là 586,7 m² đất có giá trị quyền sử dụng đất là 1.173.400.000 đồng và giá trị $\frac{1}{2}$ các công trình xây dựng trước năm 2013 trên thửa đất là có giá trị là 19.114.000 đồng, tổng là 1.182.957.000 đồng.

Chia giá trị di sản thừa kế của cụ Phạm Quang T1 cho cụ Đoàn Thị T, bà Phạm Thị L1, Phạm Thị L2, Phạm Thị M2, Phạm Thị M3, Phạm Thị L3 và bà Phạm Thị M1, mỗi người hưởng 1/7 giá trị di sản thừa kế là 168.993.000 đồng.

Giao cho cụ Đoàn Thị T sở hữu, sử dụng đất và công trình gắn liền với đất tương ứng với 1 kỷ phần cùng $\frac{1}{2}$ khối T1 sản chung giữa cụ Đoàn Thị T với cụ Phạm Quang T1 là 664,9 m²; giao bà Phạm Thị L2 sở hữu, sử dụng đất và công trình gắn liền với đất tương ứng với 6 kỷ phần là 508,5 m² đồng thời bà L2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị M1 1/7 giá trị di sản là 168.993.000 đồng. Dương sự phải nộp án phí, được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị L1, Phạm Thị M2, Phạm Thị M3, Phạm Thị L3 nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Phạm Quang T1 cho bà Phạm Thị L2 và không yêu cầu thanh toán giá trị di sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Quang T1 chết năm 2013, không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 611, 623 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế của cụ Phạm Quang T1 là ngày 24-6-2013, cụ Đoàn Thị T khởi kiện ngày 12 - 9 - 2019 nên vụ án được giải quyết vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về tố tụng: Bà M1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Cụ T, bà L3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn ủy quyền cho bà Phạm Thị L1; nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về di sản thừa kế: Cụ Phạm Quang T1 và cụ Đoàn Thị T có khối T1 sản chung gồm: đất tại thửa số 134, tờ bản đồ số 21, với diện tích đất là 1675 m² tại xóm 13 xã Giao Long và đã được UBND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 mang tên hộ ông Phạm Quang T1; năm 2007 đã chuyển nhượng 397, 6 m² cho ông Đoàn Trung D; còn 1277,4 m² (Diện tích đo thực tế và diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai lệch nhỏ cho phép do đo đạc nên lấy diện tích 1277,4 m² đã được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất làm căn cứ). Năm 2012, hai cụ hiến 104 m² đất cho dòng họ Phạm để xây dựng từ đường, có giấy viết tay, cán bộ địa chính xã có xuống khảo sát và đo đạc, trích lục đất. Xét thấy từ đường đã được xây dựng có khuôn viên riêng, các con không ai có ý kiến gì nên đây là phần đất của dòng họ Phạm; nên diện tích đất còn lại là 1173,4 m² có giá trị là 1. 173.400.000 đồng.

Các công trình là T1 sản chung của cụ T và cụ T1 được xây dựng trên đất trước năm 2013 gồm: 01 nhà ngói nhỏ: 2.520.000đ; 01 nhà ngói 5 gian: 12.849.000đ; 01 nhà tắm: 2.945.000đ; bể nước: 800.000đ; còn lại là các công trình đã xuống cấp và không còn giá trị sử dụng: 01 sân gạch; 01 tường dậu; 01 bể nước, có tổng giá trị: 19.114.000 đồng.

Các công trình xây dựng sau năm 2013 gồm: Từ đường dòng họ Phạm: 400.000.000 đồng; các công trình xây dựng do cụ T đứng lên xây dựng năm 2016: 274.554.000 đồng gồm (nhà mái bằng cùng công trình phụ: 260.000.000 đồng; ngõ 5.200.000 đồng; sân lát gạch đỏ 3.500.000 đồng; tường bao giáp đường dong xóm 5.854.000 đồng). Xét đây là T1 sản của dòng họ Phạm và T1 sản riêng của cụ T nên không liên quan đến việc chia thừa kế.

[4] Về việc xác định người thừa kế: Cụ Phạm Quang T1, vợ là Đoàn Thị T có 06 người con gái là Phạm Thị L1, Phạm Thị L2, Phạm Thị M2, Phạm Thị M1, Phạm Thị M3 và Phạm Thị L3. Cụ T1 chết năm 2013 không để lại di chúc và sau khi cụ T1 chết thì cụ T là người quản lý các T1 sản trên. Cụ Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thừa đất có nhà, ở không yêu cầu chia phần đất nông nghiệp. Vì vậy người thừa kế theo pháp luật theo hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 là cụ T, L1, L2, M2, M1, M3 và L3.

[5] Về kỹ phần thừa kế: Di sản của cụ T1 là 586,7 m² đất có giá trị là 1. 173.400.000 đồng và giá trị các công trình xây dựng trên đất là 9.557.000 đồng, tổng là 1.182.957.000 đồng; được chia cho 7 người thừa kế mỗi người thừa kế được hưởng giá trị di sản là 168.933.000 đồng.

[6] Về yêu cầu chia hiện vật: Thừa đất diện tích có chiều mặt đường chỉ còn 18,5 m (đã trừ diện tích từ đường) nên không thể chia bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế được. Mặt khác, xét thấy cụ Đoàn Thị T tuổi đã cao, là người quản lý di sản đang sinh sống ổn định trên thừa đất, không còn chỗ ở nào và có nhu cầu sử dụng thừa đất nên tiếp tục giao cho cụ T sở hữu, sử dụng một phần di sản của cụ T1 cùng với ½ T1 sản chung giữa cụ và cụ T1. Bà Phạm Thị L2 cũng có nhu cầu sử dụng vì vậy nên nên giao cho bà L2 sử dụng phần đất và các công trình xây dựng gắn liền với đất còn lại đồng thời có nghĩa vụ thanh toán giá trị tương đương kỹ phần cho bà Phạm Thị M1 được hưởng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của

bà Phạm Thị L1, Phạm Thị M2, Phạm Thị M3 và Phạm Thị L3 nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng cho bà L2.

[7] Về lệ phí xem xét thẩm định và định giá T1 sản: Bà Phạm Thị L1 nhận nộp cả 5.000.000 đồng (đã nộp).

[8] Về án phí: Cụ Đoàn Thị T, bà Phạm Thị L2 là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí; bà Phạm Thị L1, Phạm Thị M2, Phạm Thị M3, Phạm Thị L3 nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Phạm Quang T1 cho bà Phạm Thị L2 nên không phải chịu án phí; bà Phạm Thị M1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 623, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 12, 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đoàn Thị T về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất và T1 sản gắn liền với đất của cụ Phạm Quang T1.

2. Cụ Đoàn Thị T được quyền sử dụng 664,9 m² đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ T1 sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 134 tờ bản đồ số 21 lập năm 1998 thuộc xóm 13, xã Giao Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tứ cận liên kề như sau: Phía Nam giáp nhà thờ họ Phạm rộng 5,2 m và giáp đường dong xóm rộng 9,5 m; phía đông dài 35,7 m giáp phần đất hộ bà Na, ông Lê, ông Mền; phía Tây dài 56,5 m giáp phần đất hộ bà L2; phía Bắc giáp đất hộ ông Lịch dài 14,3 m (có sơ đồ kèm theo)

3. Bà Phạm Thị L2 được quyền sử dụng 508,5 m² đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ T1 sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 134 tờ bản đồ số 21 lập năm 1998 thuộc xóm 13, xã Giao Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tứ cận liên kề như sau: Phía Nam giáp đường dong xóm rộng 9 m; phía Đông dài 56,5 m giáp phần đất của cụ T; phía Tây dài 56,5 m giáp phần đất của ông Dũng; phía Bắc giáp đất ông Lịch dài 9,3 m (có sơ đồ kèm theo)

Cụ Đoàn Thị T, bà Phạm Thị L2 có trách nhiệm kê khai đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Bà Phạm Thị L2 có nghĩa thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được hưởng cho bà Phạm Thị M1 là 168.993.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị L1, Phạm Thị M2, Phạm Thị M3, Phạm Thị L3 nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Phạm Quang T1 cho bà Phạm Thị L2 và không yêu cầu thanh toán giá trị di sản.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M1 phải nộp 8.450.000 đồng; cụ Đoàn Thị T, bà Phạm Thị L2 là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí.

7. Quyền kháng cáo: Bà L1, bà L2, bà M2, bà M3, ông S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Cụ T, bà M1, bà L3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

